

Số: 802 /QĐ - CT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên
và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố;
thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;
thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/3/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 134/TTTr-STN&MT ngày 11/02/2015 và Công văn số 73/STP-KSTTHC ngày 10/02/2015 của Sở Tư pháp về việc kiểm soát chất lượng hồ sơ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố; thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này; tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh, bổ sung các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo

nguyên tắc quy định tại các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế nội dung công bố về thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã ban hành theo các Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 18/8/2009, Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 21/9/2011, Quyết định số 186/QĐ-CT ngày 22/1/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp và các Sở, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- TTTU; TTHĐNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Như Điều 3;
- Công TTĐTTP;
- CPVP;
- CV: ĐC, MT, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 802/QĐ-CT ngày 20 tháng 4 năm 2015
của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (50 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực quản lý đất đai (9 TTHC)	
1.	Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố
2.	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
3.	Thủ tục thông báo thu hồi đất, phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với trường hợp thu hồi đất của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013)
4.	Thủ tục quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với trường hợp thu hồi đất của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013)
5.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức (kể cả đơn vị lực lượng vũ trang), người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao trong trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất và dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư.
6.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài

	có chức năng ngoại giao (đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất và dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình)
7.	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
8.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
9.	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
II	Lĩnh vực đăng ký đất đai (2 TTHC)
1.	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
2.	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
III. Lĩnh vực khoáng sản (13 TTHC)	
1.	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
2.	Chuyển nhượng Giấy phép thăm dò khoáng sản
3.	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
4.	Thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng trong báo cáo thăm dò khoáng sản
5.	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản
6.	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản
7.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
8.	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản

9.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản
10.	Thẩm định và phê duyệt đề án đóng cửa mỏ
11.	Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và đóng cửa mỏ khoáng sản
12.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản
13.	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
IV. Lĩnh vực quản lý và bảo vệ môi trường (6 TTHC)	
1.	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
2.	Xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết (<i>đối với đề án được UBND thành phố phê duyệt</i>)
3.	Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường (<i>Đối với tổ chức, cá nhân đang lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố</i>)
4.	Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường (<i>đối với Dự án đã có báo cáo ĐTM, Đề án BVMT chi tiết được phê duyệt và đang hoạt động khai thác nhưng chưa có Đề án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt hoặc chưa ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường</i>)
5.	Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (<i>đối với Đề án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố: đề nghị Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản về diện tích, độ sâu, công suất khai thác; đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản; đề nghị thay đổi phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt</i>)
6.	Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường (<i>đối với Dự án/Đề án được UBND thành phố phê duyệt</i>)
V Lĩnh vực tài nguyên nước (14 TTHC)	
1.	Cấp phép thăm dò nước dưới đất
2.	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất
3.	Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất

4.	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất
5.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt
6.	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt
7.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển
8.	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển
9.	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước
10.	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước
11.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
12.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
13.	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ và vừa
14.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
VI	Lĩnh vực biển đảo (06 TTHC)
1.	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
2.	Giao khu vực biển
3.	Gia hạn quyết định giao khu vực biển
4.	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển
5.	Trả lại khu vực biển
6.	Thu hồi Khu vực biển

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (39 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực bản đồ - địa chính (4 TTHC)	
1.	Thẩm định bản đồ địa hình phục vụ hoạt động khoáng sản
2.	Thẩm định bản đồ địa chính xã, phường, thị trấn

3.	Thẩm định trích đo địa chính phục vụ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất
4.	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
II	Lĩnh vực quản lý đất đai (1 TTHC)
1.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.
III.	Lĩnh vực đăng ký đất đai và giao dịch bảo đảm (25 TTHC)
1.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
2.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
3.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
4.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
5.	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.
6.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
7.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
8.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/ 7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
9.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng

10.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
11.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất
12.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (<i>đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ</i>); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
13.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
14.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
15.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
16.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
17.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
18.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
19.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
20.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
21.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
22.	Đăng ký thế chấp QSD đất, tài sản gắn liền với đất
23.	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký

24.	Xóa đăng ký thế chấp QSD đất, tài sản gắn liền với đất
25.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp.
IV	Lĩnh vực bảo vệ môi trường (6 TTHC)
1.	Xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức
2.	Xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết (<i>đối với đề án được Sở TNMT phê duyệt hoặc đối với đề án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và ủy quyền cho Sở TNMT kiểm tra, xác nhận</i>)
3.	Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường (<i>đối với dự án đã có Bản cam kết BVMT, Đề án BVMT đơn giản đã được phê duyệt và đang hoạt động khai thác chưa có Đề án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt hoặc chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường</i>)
4.	Thẩm định và phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (<i>đối với Đề án thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường: đề nghị Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản về diện tích, độ sâu, công suất khai thác; đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản; đề nghị thay đổi phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt</i>)
5.	Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường (<i>đối với Đề án được Sở TNMT phê duyệt</i>)
6.	Cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
V	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại, tố cáo (3 TTHC)
1.	Giải quyết khiếu nại lần đầu
2.	Giải quyết khiếu nại lần hai
3.	Giải quyết tố cáo

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (9 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực tài nguyên đất (7 TTHC)	
1.	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện

2.	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân
3.	Thủ tục thông báo thu hồi đất, phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với trường hợp thu hồi đất của đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013)
4.	Thủ tục quyết định thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với trường hợp thu hồi đất của đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013)
5.	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
6.	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân
7.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư
8.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân.
II	Lĩnh vực biển đảo (1 TTHC)
1.	Thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
III	Lĩnh vực tài nguyên nước (1 TTHC)
1.	Đăng ký công trình khai thác nước dưới đất

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (01 TT)

I	Lĩnh vực đất đai (1 TTHC)
1.	Hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã